

Bản án số: 803/2020/DS-PT
Ngày: 26/8/2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thủy

Bà Phạm Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quỳnh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phạm Hoàng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 328/TLPT-DS ngày 01/6/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án số 03/2020/DS-ST ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3272/QĐ-PT ngày 01/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 8551/QĐ-PT ngày 10/8/2020, giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Quốc Đ, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 1079 Đường B, phường C, quận D, Thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Số 173 Đường E, phường F, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 00535 ngày 03/5/2019 tại Văn phòng Công chứng G, Thành phố Hồ Chí Minh)

Bị đơn: Bà Võ Thị A, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Số 1097 Đường H, phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 323A Đường J, phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lưu Tuấn L - Văn phòng Luật sư K - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/5/2019; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Quốc Đ và ông Nguyễn Văn H đại diện trình bày:

Ngày 01/7/2017, bà Võ Thị A có vay của ông Lê Quốc Đ số tiền 70.000.000 đồng. Việc vay mượn hai bên có lập Giấy mượn nợ ngày 01/7/2017, do bà A viết và ký tên, có sự chứng kiến của ông Trần Văn T. Thời hạn vay tiền là 04 tháng kể từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/11/2017. Việc vay mượn hai bên không thỏa thuận lãi, bà A không thế chấp tài sản gì. Khi đến hạn thanh toán, ông Đ nhiều lần liên hệ gặp bà A để yêu cầu thanh toán nhưng không được. Ông Đ khởi kiện yêu cầu bà A thanh toán số tiền gốc 70.000.000 đồng theo Giấy mượn nợ ngày 01/7/2017, tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 1.67%/tháng tính từ ngày 01/11/2017. Sau đó thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà A thanh toán số tiền gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (08/01/2020) tổng cộng 26 tháng, là 15.166.000 đồng, nhưng đồng ý giảm tiền lãi, chỉ yêu cầu bà A thanh toán số tiền lãi là 10.000.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 80.000.000 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Võ Thị A trình bày:

Bà A xác nhận chữ ký và chữ viết tại Giấy mượn nợ ngày 01/7/2017, mà nguyên đơn nộp là do bà viết và ký tên, nguồn gốc của Giấy mượn nợ ngày 01/7/2017 theo bà A do bà là bạn của ông Trần Văn T (người làm chứng trong giấy mượn nợ) và bà Tạ Thị H. Thời điểm tháng 7/2017, bà H cần tiền kinh doanh nên có mượn của ông T số tiền 70.000.000 đồng nhưng vì bà H và ông T có quan hệ tình cảm, sợ việc vay mượn ảnh hưởng tình cảm nên bà đứng ra viết và ký tên với tư cách người vay trong Giấy mượn nợ ngày 01/7/2017. Nội dung giấy nợ do ông T đọc cho bà ghi. Bà có thắc mắc tại sao không ghi tên người cho mượn là ông T, thì ông T nói với bà ghi tên người cho mượn là anh Đoàn, lúc đó bà không biết anh Đoàn là ai. Sau khi ghi giấy nợ, ông T đưa 70.000.000 đồng cho bà H. Trong giấy nợ không ghi lãi suất nhưng theo bà biết lãi suất hai bên thỏa thuận là 10%/tháng. Sau đó, giữa ông T và bà H tự trả tiền cho nhau bà không biết, cho đến khi ông Đ đến gặp bà yêu cầu bà trả tiền thì bà mới biết do bà H không trả tiền cho ông T. Lúc đó, bà có liên hệ với ông T và bà H để giải quyết thì mới biết ông T, bà H đã lợi dụng bà để gánh số tiền nợ 70.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 01/7/2017. Bà đã nhiều lần liên hệ nhưng ông T và bà H cố tình trốn tránh. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu bà thanh toán số tiền 70.000.000 đồng theo Giấy mượn nợ ngày 01/7/2017 thì bà không đồng ý.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết, người làm chứng ông Trần Văn T trình bày:

Ông quen biết với bà Võ Thị A thông qua một người em của bà A. Bà A và bà H là bạn bè lâu năm nên ông cũng có biết bà H. Quen biết một thời gian thì bà H có mượn tiền ông nhưng ông không có, ông có giới thiệu ông Lê Quốc Đ.

Khi đó, ông Đ yêu cầu bà A phải đứng tên vay và chịu trách nhiệm vì bà A có điều kiện trả nợ thì ông Đ mới cho vay. Bà A đồng ý nên bà A viết và ký tên với tư cách người vay trong Giấy mượn tiền ngày 01/7/2017, ông ký tên với tư cách người làm chứng. Nội dung giấy mượn tiền do bà A tự ghi, ông không đọc cho bà A ghi. Sau khi bà A ghi và ký tên trong Giấy mượn tiền thì ông Đ đưa tiền cho bà A. Trong giấy vay tiền, hai bên không thỏa thuận lãi, chỉ thỏa thuận vay trong thời hạn 04 tháng. Sau khi nhận tiền từ ông Đ, giữa bà A với bà H có thực hiện giao dịch gì không thì ông không biết. Ông cam kết lời khai của ông là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 08/01/2020, của Tòa án nhân dân Quận A đã căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc Đ.

Buộc bà Võ Thị A có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Quốc Đ số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*), trong đó tiền gốc là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) theo Giấy mượn nợ ngày 01/7/2017.

Thời gian và phương thức thanh toán: Một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Địa điểm thi hành: Tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm; lãi suất chậm trả; quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 30/01/2020 (Theo dấu bưu điện), bị đơn bà Võ Thị A kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 08/01/2020, của Tòa án nhân dân Quận A. Lý do không đồng ý toàn bộ nội dung bản án Tòa án đã tuyên vào ngày 08/01/2020. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận A đã tuyên.

Tại phiên toà phúc thẩm :

Ông Nguyễn Văn H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Quốc Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Võ Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Cung cấp chứng cứ là bản photo "*Bản tóm tắt nội dung cuộc nói chuyện giữa ông T và chị H*". Bà A có viết và ký Giấy

mượn nợ ngày 01/7/2017, nhưng ông Đ không giao số tiền 70.000.000 đồng cho bà A. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận không có tài liệu, chứng cứ thể hiện việc giao nhận tiền. Lời ghi âm nói chuyện cho thấy bà H có vay tiền của ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên vô hiệu giao dịch dân sự giả tạo tại Giấy mượn nợ ngày 01/7/2017 theo Điều 124, 131 Bộ luật dân sự để che dấu việc mượn tiền giữa bà H và ông T nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Kháng cáo của bà A còn trong hạn luật định. Về yêu cầu kháng cáo: Theo Giấy mượn nợ ngày 01/7/2017, bà Võ Thị A có ký xác nhận mượn số tiền 70.000.000 đồng của ông Lê Quốc Đ, nhưng lại cho rằng vay của ông T, không vay của ông Đ và vay dùm bà Tạ Thị H. Tuy nhiên khi xác minh thì bà H không cư trú tại địa do bà A cung cấp. Bản tóm tắt nội dung cuộc nói chuyện giữa ông T, bà H do Luật sư cung cấp, không thể hiện bà A không mượn số tiền 70.000.000 đồng của ông Đ theo Giấy mượn nợ ngày 01/7/2017. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 70.000.000 đồng tiền gốc, chỉ 10.000.000 đồng tiền lãi là có lợi cho bị đơn nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà A. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thời hạn kháng cáo: Kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị A đã được chấp nhận là còn trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về việc vắng mặt bị đơn người kháng cáo bà Võ Thị A: Do bà A có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét: Bị đơn bà Võ Thị A kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm buộc phải thanh toán số tiền 80.000.000 (*Tám mươi triệu*) đồng, trong đó: Tiền gốc là 70.000.000 (*Bảy mươi triệu*) đồng và tiền lãi là 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng; ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà A, Hội đồng xét xử thấy: Bà A thừa nhận chữ viết và chữ ký tại “*Giấy mượn nợ ngày 01/7/2017*” là của mình. Nhưng không thừa nhận vay tiền theo “*Giấy mượn nợ*” này mà lại thừa nhận vay tiền của ông Trần Văn T, chỉ viết và ký tên với tư cách người vay tại Giấy mượn nợ ngày 01/7/2017, là ký mượn dùm bạn bà Tạ Thị H vay ông T, không phải ông Lê Quốc Đ. Ngoài lời trình bày, bà A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình, hoặc xác nhận của bà H là chỉ đứng tên dùm, hay có việc đe dọa, ép buộc ký giấy mượn nợ ông Đ 70.000.000

đồng vào ngày 01/7/2017, hoặc có xác nhận của ông Đ nhận tiền dùm bà H. Trong khi nguyên đơn ngoài Giấy mượn nợ ngày 01/7/2017, còn có chứng minh thư, sổ hộ khẩu và giấy đăng ký xe của bà A. Phù hợp với chứng cứ khác là lời khai trình bày của người làm chứng Trần Văn T có tại hồ sơ (BL 37, 36): Bà A là người vay và nhận 70.000.000 đồng từ nguyên đơn ông Lê Quốc Đ, rồi tự viết và ký giấy xác nhận mượn nợ ngày 01/7/2017. Tại phiên tòa sơ thẩm (BL70a-67), bà A thừa nhận có vay số tiền 70.000.000 đồng, nhưng là vay của ông T, không phải ông Đ và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng; xin giảm lãi. Chứng cứ “*Bản tóm tắt nội dung cuộc nói chuyện giữa ông T và chị H*”, bản chính có tại hồ sơ cũng không thể hiện việc bà A không mượn số tiền 70.000.000 đồng của ông Đ, hoặc mượn dùm bà H như bà A trình bày. Hơn nữa, địa chỉ của bà H do bà A cung cấp đã được Công an xác minh thì bà H không cư ngụ tại địa chỉ đã cung cấp.

Xét: Việc bị đơn không thừa nhận có vay mượn nguyên đơn 70.000.000 đồng tại giấy mượn nợ ngày 01/7/2017, không được nguyên đơn chấp nhận và bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc phản bác của mình. Ngay nội dung chính của giấy mượn nợ: “*Nay tôi có mượn của anh Đoàn số tiền 70.000.000 đồng... tôi xin hứa trả số tiền trên đúng hạn trả là 04 tháng kể từ ngày 01/7/2017 đến 01/11/2017...*” đã thể hiện bà A có nhận số tiền này từ ông Đ. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về “*Nghĩa vụ chứng minh*” và “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình...phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó; ...không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định giao dịch dân sự vay tiền giữa nguyên đơn ông Lê Quốc Đ và bị đơn bà Võ Thị A tại “*Giấy mượn nợ ngày 01/7/2017*” là hợp đồng vay tài sản không có lãi suất, có xác định thời hạn vay quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Khi đến hạn, bà A không trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bên cho vay nguyên đơn có quyền yêu cầu trả lãi chậm trả theo quy định tại các Điều 466, 468 Bộ luật dân sự là hoàn toàn có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá chứng cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Võ Thị A phải trả cho nguyên đơn ông Lê Quốc Đ khoản nợ gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

[3] Từ phân tích và viện dẫn pháp luật kể trên, có cơ sở chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn; ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm không tuyên hủy “*Giấy mượn nợ ngày 01/7/2017*” và buộc bị đơn thanh toán số tiền 80.000.000 đồng một lần ngay sau khi án có hiệu pháp luật là thiếu sót không đúng quy định tại Luật Thi hành án dân sự, vì tại giai đoạn thi hành án các bên có thể thỏa thuận hoặc tự nguyện thi hành án.

[4] Về án phí :

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000 đồng, tương ứng số tiền phải trả là 80.000.000 đồng và phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Hoàn lại cho ông Đ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 2.392.950 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012158 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 463; 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị Quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị A, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân Quận A.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quốc Đ:

Buộc bị đơn bà Võ Thị A phải trả cho nguyên đơn ông Lê Quốc Đ số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng hai khoản phải trả là 80.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn ông Lê Quốc Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Võ Thị A chưa thanh toán đủ số tiền 80.000.000 đồng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Hủy “*Giấy mượn nợ ngày 01/7/2017*” bản chính do nguyên đơn đang giữ.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Võ Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng. Hoàn lại cho ông Lê Quốc Đ toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.392.950 (*Hai triệu ba trăm chín mươi hai nghìn chín trăm năm mươi*) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012158 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm : Bà Võ Thị A phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0020809 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thảo thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7.7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

	HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM	
THẨM PHÁN	THẨM PHÁN	THẨM PHÁN
		CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ